

Số: 07/2018/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 11 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định thời gian báo cáo, phê chuẩn ngân sách địa phương
và biểu mẫu báo cáo về tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định thời gian báo cáo, phê chuẩn ngân sách địa phương và biểu mẫu báo cáo về tài chính - ngân sách trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 45/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thời gian báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công 05 năm, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên; báo cáo dự toán, phân bổ dự toán, giao dự toán, quyết toán ngân sách địa phương và các biểu mẫu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh gửi các báo cáo tài chính - ngân sách đến các Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Báo cáo kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công 05 năm

a) Báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 21 tháng 11 năm cuối của kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn trước;

b) Báo cáo đến Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân vào năm cuối của kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư công 05 năm giai đoạn trước.

2. Báo cáo kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm

a) Báo cáo đến Thường trực Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 15 tháng 7 năm trước năm đầu tiên của kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

b) Báo cáo đến Hội đồng nhân dân chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh vào năm trước năm đầu tiên của kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

3. Báo cáo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên ngân sách địa phương

a) Báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 21 tháng 11 năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn trước;

b) Báo cáo đến Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh vào năm cuối của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn trước.

Điều 4. Thời gian Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo dự toán, phân bổ dự toán ngân sách địa phương đến các Ban của Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp

1. Cấp tỉnh

a) Báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 21 tháng 11 năm trước năm dự toán;

b) Báo cáo đến Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân vào năm trước năm dự toán.

2. Cấp huyện

a) Báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 11 tháng 12 năm trước năm dự toán;

b) Báo cáo đến Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân vào năm trước năm dự toán.

3. Cấp xã

a) Báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân chậm nhất là ngày 21 tháng 12 năm trước năm dự toán;

b) Báo cáo đến Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân vào năm trước năm dự toán.

Điều 5. Thời gian Ủy ban nhân dân các cấp giao dự toán ngân sách đến các cơ quan, đơn vị và ngân sách cấp dưới

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán đến ngân sách cấp huyện chậm nhất ngày 10 tháng 12 năm trước năm dự toán; thời gian giao dự toán đến các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp 1) chậm nhất là ngày 20 tháng 12 của năm trước năm dự toán; đơn vị dự toán cấp 1 giao dự toán đến các đơn vị trực thuộc chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm trước năm dự toán.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao dự toán đến ngân sách cấp xã chậm nhất ngày 20 tháng 12 năm trước năm dự toán; thời gian giao dự toán đến các cơ quan, đơn vị cấp huyện (đơn vị dự toán cấp 1) chậm nhất là ngày 25 tháng 12 của năm trước năm dự toán; đơn vị dự toán cấp 1 giao dự toán đến các đơn vị trực thuộc chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm trước năm dự toán.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã giao dự toán đến các tổ chức, đơn vị cấp xã trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm dự toán.

Điều 6. Thời hạn gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp; Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến các Ban của Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp; thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách của Hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã

1. Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã lập báo cáo quyết toán ngân sách năm gửi cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập báo cáo gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch trước ngày 15 tháng 4 năm sau;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập báo cáo gửi về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 5 năm sau.

2. Thời hạn Ủy ban nhân dân các cấp gửi báo cáo quyết toán đến các Ban của Hội đồng nhân dân và Hội đồng nhân dân cùng cấp

a) Báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân cấp xã chậm nhất là ngày 15 tháng 5 năm sau; báo cáo đến Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân cấp xã năm sau;

b) Báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện chậm nhất là ngày 15 tháng 6 năm sau; báo cáo đến Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của Hội đồng nhân dân cấp huyện năm sau;

c) Báo cáo đến các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh chậm nhất là ngày 21 tháng 11 năm sau; báo cáo đến Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh năm sau;

3. Thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách

a) Hội đồng nhân dân cấp xã phê chuẩn quyết toán ngân sách năm trước, trước ngày 15 tháng 6 năm sau;

b) Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn quyết toán ngân sách năm trước, trước ngày 15 tháng 7 năm sau.

Điều 7. Biểu mẫu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp

Biểu mẫu phục vụ việc lập các báo cáo tài chính ngân sách gửi cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Trong trường hợp phát sinh các biểu mẫu khác theo quy định của Trung ương, giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, TP Cà Mau;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Văn Hiện